

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN YÊN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2023
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Nhật Quang;

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Tạng;

2. Ông Lục Chiến Thắng;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Phương Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên - tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023 về việc: “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị H - sinh năm 1995.

Nơi ĐKKHKT: tổ dân phố HK, phường HN, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện tại: 39 NVL, phường TTT, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: anh Phạm Thanh T - sinh năm 1997.

Địa chỉ: thôn CK (nay là thôn TT), xã HL, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2023 và bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị H và anh Phạm Thanh T được tự do tìm hiểu, kết hôn vào ngày 22/9/2021 tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hai người hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị sống với nhau tại Hà Nội được hai tháng thì chuyển về thôn CK, xã HL, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh sống cùng bố mẹ anh Tùng, đến khoảng cuối năm 2021, đầu năm 2022 thì vợ chồng anh, chị xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, dần dần vợ chồng không còn tiếng nói chung, không thể nói chuyện với nhau được nữa. Mặc dù đã tìm mọi cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không được. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 07 năm 2022. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh Tùng không thể chung sống cùng nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tùng.

Về con chung: vợ chồng anh chị có 01 (một) con chung là Phạm Anh Đ, sinh ngày 09/3/2022. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị H khai chị và anh T không có tài sản chung; vợ chồng không vay nợ chung với cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn theo như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2021 và đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách, cách sống không hợp nhau. Anh và chị H đã nhiều lần nói chuyện tìm cách khắc phục nhưng không được. Đến tháng 07 năm 2022, anh và chị H đã sống ly thân, trong thời gian ly thân vợ chồng không nói chuyện để hàn gắn tình cảm. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: vợ chồng anh chị có 01 (một) con chung là Phạm Anh Đ, sinh ngày 09/3/2022. Khi ly hôn, anh T đồng ý để chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc hồi 16 giờ 00 phút, ngày 20/02/2023, bà Hoàng Thị N (là mẹ đẻ anh Phạm Thanh T) cho biết: Sau khi anh T, chị H kết hôn cùng nhau về chung sống tại thôn CK với ông, bà được một thời gian thì đi làm ăn xa, thỉnh thoảng anh T mới về nhà. Khi Tòa án đến giao các văn bản tố tụng liên quan đến việc chị H xin ly hôn với anh T, bà đã thông báo và giao lại tất cả giấy tờ, văn bản của Tòa án cho anh T. Về mâu thuẫn giữa anh T và chị H, bà N cho biết, bà có biết sự việc hai vợ chồng anh, chị xảy ra mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân cụ thể cũng không rõ, chỉ biết hiện nay, anh chị đã sống ly thân. Đối với việc ly hôn của anh chị, bà mong muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ, nếu vợ chồng anh chị kiên quyết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại thôn nơi chị H, anh T sinh sống sau khi đăng ký kết hôn thì được trưởng thôn TT, xã HL, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh cho biết: chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương.

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh T như thế nào thì địa phương không nắm rõ vì thời gian anh, chị cùng chung sống với nhau tại thôn không nhiều, đồng thời khi vợ chồng anh, chị xảy ra mâu thuẫn không yêu cầu địa phương hoà giải. Ông chỉ biết, hiện nay anh, chị đã sống ly thân. Nay chị H xin ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Phạm Thanh T và giao con chung là cháu Phạm Anh Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn.

[1.1] Về thủ tục tố tụng: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

Về sự vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa: trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt và thực hiện đầy đủ quy định theo trình tự của bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Việc xét xử vụ án khi nguyên đơn vắng mặt đảm bảo đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn. Mặc dù anh không trực tiếp nhận do đi làm ăn xa nhưng anh đã có đơn đề nghị Tòa án giao các văn bản, giấy tờ liên quan đến vụ án cho mẹ đẻ anh là bà Hoàng Thị N nhận và thông báo đến anh. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Do vậy việc xét xử vụ án khi bị đơn vắng mặt đảm bảo tính khách quan khi giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về ly hôn: quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã phát sinh từ lâu, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, tính cách, lối sống không phù hợp, không thông cảm chia sẻ được với nhau, cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng. Tại biên bản làm việc ở địa phương và biên bản xác minh tại gia đình cũng xác nhận mâu thuẫn của vợ chồng giữa chị H và anh T, hiện đã sống ly thân, từ đó thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm nuôi con chung: chị H và anh T có 01 (một) con chung là cháu Phạm Anh Đ, sinh ngày 09/3/2022 hiện đang sống cùng chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả chị H và anh T cùng thống nhất giao con cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy việc giao con cho ai nuôi cần xét điều kiện nuôi con thì thấy: hiện nay anh T đi làm ăn xa, không thể trực tiếp chăm sóc được cho con, chị H hiện đã có việc làm và chỗ ở ổn định, chị đã giao nộp cho Tòa án bản sao đơn xin xác nhận về việc chị là nhân viên nhà hàng tiệc cưới CP với mức lương 20.000.000 đồng/tháng (Hai mươi triệu đồng/tháng) và Hợp đồng thuê căn hộ số: LC/2210/ECG-HR2D-36.11 ngày 26/10/2022, đồng thời hiện nay cháu Phạm Anh Đ vẫn dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*".

Xét thấy yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung của chị H, anh T là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: chị H và anh T cùng khẳng định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: chị H và anh T cùng khẳng định anh, chị không có nợ chung với cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị H được ly hôn anh Phạm Thanh T.
2. Về con chung: giao con chung Phạm Anh Đ, sinh ngày 09/3/2022 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012115 ngày 18/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND h. Tiên Yên;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS h. Tiên Yên;
- UBND xã HL, h. Tiên Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Nhật Quang